

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II – KẾT NỐI TRI THỨC

LỚP 10 – ĐỊNH HƯỚNG CS.

THỜI GIAN: 45 PHÚT

TT	Chương/Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá												Tỉ lệ % điểm
			TNKQ						Tự luận						
			Nhiều lựa chọn – D1			“Đúng – sai” – D2						Tổng			
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
1	CHỦ ĐỀ 1: MÁY TÍNH VÀ TRI THỨC XÃ HỘI	Bài 1: Thông tin và xử lí thông tin		1			4 (1a, 1b, 1c, 1d)						5		12.5% (1.25 điểm)
2		Bài 2: Vai trò của thiết bị thông minh và tin học đối với xã hội.	1						4 (1 câu)			5			12.5% (1.25 điểm)
3		Bài 3: Một số kiểu dữ liệu và dữ liệu văn bản	1	1					2 (1 câu)	2		3	3		15% (1.5 điểm)
4		Bài 4: Hệ nhị phân và dữ liệu số nguyên	1	1		2 (2a, 2b)	2 (2c, 2d)		x			3	3		15% (1.5 điểm)

5	CHỦ ĐỀ 1: MÁY TÍNH VÀ TRI THỨC XÃ HỘI	Bài 5: Dữ liệu logic	1									1			2.5% (0.25 điểm)
6		Bài 7. Thực hành sử dụng thiết bị số thông dụng	1						4 (1 câu)	Bỏ		5	0	0	25% (2.5 điểm)
7	CHỦ ĐỀ 2: MẠNG MÁY TÍNH VÀ INTERNET	Bài 8: Mạng máy tính trong cuộc sống hiện đại	1	1		2 (3a, 3b)	2 (3c, 3d)					3	3		15% (1.5 điểm)
8		Bài 9: An toàn trên không gian mạng		1	1		2 (4a, 4b)	2 (4c, 4d)					3	3	15% (1.5 điểm)
		Tổng số câu	6	5	1	4	10	2	10	2	0	20	17	3	100%
		Tổng số điểm	3.0			4.0			3.0						10
		Tỉ lệ %	70%						30%			50%	42.5%	7.5%	

***Ghi chú:** Các con số trong bảng thể hiện số lệnh hỏi, mỗi câu hỏi đúng/sai ở dạng 2 tương đương 4 lệnh hỏi, mỗi câu hỏi tự luận tương đương với 4 ý hỏi.*

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II – KẾT NỐI TRI THỨC

LỚP 11 – ĐỊNH HƯỚNG CS.

THỜI GIAN: 45 PHÚT

TT	Chương/Chủ đề kiến thức	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá												Tỉ lệ % điểm
			TNKQ						Tự luận						
			Nhiều lựa chọn – D1			“Đúng – sai” – D2						Tổng			
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
1	Chủ đề F. GIỚI THIỆU CÁC HỆ CƠ SỞ DỮ LIỆU (CÁNH DIỀU)	Các loại kiến trúc của hệ cơ sở dữ liệu	1	1		2 (1a, 1b)	2 (1c, 1d)					3	3		15% (1.5 điểm)
2		An toàn và bảo mật hệ cơ sở dữ liệu quan hệ		1			4 (2a, 2b, 2c, 2d)			4			9		22,5% (2.25 điểm)

3	Chủ đề 1. Máy tính và xã hội tri thức	Bài 1. Hệ điều hành. Bài 2: thực hành sử dụng hệ điều hành	1	1	1				1	2	1	2	3	2	17.5% (1.75 điểm)
4		Bài 3. Phần mềm nguồn mở và phần mềm chạy trên internet	1	1		2 (3a, 3b)	2 (3c, 3d)					3	3		15% (1,5 điểm)
5		Bài 4: Bên trong máy tính	1	1					2	2		3	3		15% (1,5 điểm)
		Bài 5. Kết nối máy tính với thiết bị số	1	1		2 (4a, 4b)	2 (4c, 4d)					3	3		15% (1,5 điểm)
		Tổng số câu	5	6	1	6	10	0	3	8	1	14	24	2	100%
		Tổng số điểm	3.0			4.0			3.0						10
		Tỉ lệ %	70%						30%			35.0%	60.0%	5.0%	

Ghi chú: Các con số trong bảng thể hiện số lệnh hỏi, mỗi câu hỏi dạng 1 có 1 đáp án đúng mỗi câu 0.25đ, mỗi câu hỏi đúng/sai ở dạng 2 tương đương 4 lệnh hỏi mỗi lệnh hỏi 0.25đ, mỗi câu hỏi tự luận 1 điểm.

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II – KẾT NỐI TRI THỨC

LỚP 11 – ĐỊNH HƯỚNG ICT.

THỜI GIAN: 45 PHÚT

TT	Chương/Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá												Tỉ lệ % điểm
			TNKQ						Tự luận						
			Nhiều lựa chọn – D1			“Đúng – sai” – D2						Tổng			
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
1	Chủ đề 1. Máy tính và xã hội tri thức	Bài 1. Hệ điều hành. Bài 2: thực hành sử dụng hệ điều hành	1		1	1 (1a)	1 (1b)	2 (1c, 1d)				2	1	3	15.0% (1.5 điểm)
2		Bài 3. Phần mềm nguồn mở và phần mềm chạy trên internet	1	1								1	1		5.0% (0.5 điểm)
3		Bài 4: Bên trong máy tính		1		2 (2a, 2b)	2 (2c, 2d)					2	3		12.5% (1.25 điểm)
4		Bài 5. Kết nối máy tính với thiết bị số		1									1		5% (0.5 điểm)

5	Chủ đề 2. Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin	Bài 6. Lưu trữ và chia sẻ tệp tin trên internet	1		1	2 (3a, 3b)	2 (3c, 3d)				3	2	1	15% (1.5 điểm)	
6		Bài 7. Thực hành tìm kiếm thông tin trên internet			1								1	2.5% (0.25 điểm)	
7		Bài 8. Thực hành nâng cao sử dụng thư điện tử và mạng xã hội			1								1	2,5% (0.25 điểm)	
8	Chủ đề 3. Đạo đức, pháp luật và văn hóa trong môi trường số.	Bài 9. Giao tiếp an toàn trên internet			1		2 (4a, 4b)	2 (4c, 4d)				2	3	12.5% (1.25 điểm)	
9	Chủ đề 7: Phần mềm chỉnh sửa ảnh và làm video	Bài 25: Phần mềm chỉnh sửa ảnh	1								1			2,5% (0.25 điểm)	
10		Dự án làm phim hoạt hình									12		12	30% (3.0 điểm)	
		Tổng số câu	4	3	5	5	7	4	0	0	12	9	10	21	100%
		Tổng số điểm	3.0			4.0			3.0			2.25	2.5	5.25	10

		Tỉ lệ %	70%	30%	22,5%	25%	52.5%	
--	--	---------	-----	-----	-------	-----	-------	--

Ghi chú: Các con số trong bảng thể hiện số lệnh hỏi, mỗi câu hỏi dạng 1 có 1 đáp án đúng mỗi câu 0.25đ, mỗi câu hỏi đúng/sai ở dạng 2 tương đương 4 lệnh hỏi mỗi lệnh hỏi 0.25đ, mỗi câu hỏi tự luận 1 điểm .

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

LỚP 12 – ĐỊNH HƯỚNG CS.

THỜI GIAN: 45 PHÚT

TT	Chương/Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá												Tỉ lệ % điểm
			TNKQ						Tự luận						
			Nhiều lựa chọn – D1			“Đúng – sai” – D2						Tổng			
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
1	Chủ đề F. Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính	F10. Định kiểu cho siêu liên kết và danh sách			2			4 (1a, 1b, 1c, 1d)						6	15.0% (1.5 điểm)
2		F11. Định kiểu cho bảng và phần tử <div>			1									1	2.5% (0.25 điểm)
3		F12. Định kiểu CSS cho biểu mẫu			1						4			5	12.5% (1.25 điểm)
4		- Khoa học dữ liệu - Máy tính, thuật toán và khoa học dữ liệu	2	1		2 (2a, 2b)	2 (2c, 2d)		2	2		6	5		27.5% (2.75 điểm)

		- Hoạt động trải nghiệm về khoa học dữ liệu													
5	Chủ đề F. Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính	- Học máy		2			4 (3a, 3b, 3c, 3d)			4			10		25.0% (2.5 điểm)
6		Kĩ thuật mô phỏng		2	1		3 (4a, 4b, 4c, 4d)	1 (4d)					5	2	17.5% (1.75 điểm)
		Tổng số câu	2	5	5	2	9	5	2	6	4	6	20	14	10%
		Tổng số điểm	3.0			4.0			3.0			1.5	5.0	3.5	10
		Tỉ lệ %	70%						30%			15.0%	50.0%	35.0%	

Ghi chú: Các con số trong bảng thể hiện số lệnh hỏi, mỗi câu hỏi dạng 1 có 1 đáp án đúng mỗi câu 0.25đ, mỗi câu hỏi đúng/sai ở dạng 2 tương đương 4 lệnh hỏi mỗi lệnh hỏi 0.25đ, mỗi câu hỏi tự luận 1 điểm.

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

LỚP 12 – ĐỊNH HƯỚNG ICT.

THỜI GIAN: 45 PHÚT

TT	Chương/Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá												Tỉ lệ % điểm
			TNKQ						Tự luận						
			Nhiều lựa chọn – D1			“Đúng – sai” – D2						Tổng			
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
1	Chủ đề F. Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính	F7. Giới thiệu CSS	2 (CC12)			2 (CC12) (1a, 1b)			2 (CC12)			6		6	15.0% (1.5 điểm)
2		F8. Một số thuộc tính cơ bản của CSS			2 (CC13)			2 (CC13) (1c, 1d)			2 (CC13) (1 câu)			7	17.5% (1.75 điểm)
3		F9. Một số kỹ thuật định kiểu bằng vùng chọn trong CSS			2 (CC13)			2 (CC13) (2a, 2b)			2 (CC13)			7	17.5% (1.75 điểm)

4		F10. Định kiểu cho siêu liên kết và danh sách			2 (CC13)			2 (CC13) (2c, 2d)			2 (CC13) (1 câu)			6	15.0% (1.5 điểm)
5	Chủ đề F. Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính	F11. Định kiểu cho bảng và phần tử <div>			2 (CC13)			4 (CC13) (3a, 3b, 3c, 3d)			2 (CC13)			7	17.5% (1.75 điểm)
6		F12. Định kiểu CSS cho biểu mẫu			2 (CC13)			4 (CC13) (4a, 4b, 4c, 4d)			2 (CC13) (1 câu)			7	17.5% (1.75 điểm)
		Tổng số câu	2	0	10	2	0	14	2	0	10	6	0	34	
		Tổng số điểm	3.0			4.0			3.0						10
		Tỉ lệ %	70%						30%			15%	0%	85%	

Ghi chú: Các con số trong bảng thể hiện số lệnh hỏi, mỗi câu hỏi dạng 1 có 1 đáp án đúng mỗi câu 0.25đ, mỗi câu hỏi đúng/sai ở dạng 2 tương đương 4 lệnh hỏi mỗi lệnh hỏi 0.25đ, mỗi câu hỏi tự luận 1 điểm.